

PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN theo Quy định (EU) số 1907/2006

Ngày cấp: 13.09.2012

Phiên bản 1.0

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Số Danh Mục	102964
Tên sản phẩm	Neocuproine hydrochloride monohydrate GR for analysis
REACH Số Đăng ký	Không có số đăng ký cho chất này vì chất này hoặc cách sử dụng của nó được miễn đăng ký theo Mục 2 Quy Định REACH (EC) Số 1907/2006, số lượng hàng hóa hàng năm không yêu cầu đăng ký hoặc đăng ký được xem xét vào thời hạn

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã xác định	Thuốc thử để phân tích Để biết thêm thông tin về cách sử dụng, hãy tham khảo cổng thông tin Các hóa chất của Merck (www.merck-chemicals.com).
-------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty	Merck KGaA * D-64271 Darmstadt * Đức* ĐT: +49 61 51 72-0
Đơn vị phụ trách	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM Thời gian làm việc: Thứ 2 đến thứ 6 (8:00 đến 17:00)
Đại diện khu vực	Cty TNHH Merck Việt Nam Lầu 9, CentrePoint, 106 Nguyễn Văn Trỗi, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

1.4 Điện thoại khẩn cấp ĐT: +84 8 38420100/ + 84 8 38420117

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

Chất này không được phân loại là chất nguy hiểm theo pháp luật Liên minh Châu Âu.

2.2 Nhãn các nguyên tố

Dán nhãn (Quy định số 1272/2008 (EC))

Không phải là chất hoặc hỗn hợp nguy hại theo quy định (EC) số 1272/2008.

Dán nhãn (67/548/EEC hoặc 1999/45/EC)

Sản phẩm không cần dán nhãn theo hướng dẫn của EC hoặc luật pháp quốc gia tương ứng.

2.3 Các mối nguy hiểm khác

Không biết

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

Công thức	$C_{14}H_{12}N_2 \cdot ClH \cdot H_2O$ (Hill)
Số CAS	303136-82-5
Số EC	230-732-8
Khối lượng mol	262,75 g/mol

PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	102964
Tên sản phẩm	Neocuproine hydrochloride monohydrate GR for analysis

Để xem chi tiết nội dung của Bảng kê H đề cập đến trong mục này, xem mục 16.

Ghi chú Không chứa các thành phần nguy hiểm theo như Quy Định số 1907/2006 (EC).

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sau khi hít phải: không khí sạch.

Sau khi tiếp xúc với da: rửa sạch bằng nhiều nước. Cởi quần áo bẩn.

Sau khi tiếp xúc với mắt: rửa sạch bằng nhiều nước.

Sau khi nuốt vào: cho nạn nhân uống nước (nhiều nhất hai cốc). Tham khảo ý kiến bác sĩ nếu cảm thấy không khỏe.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính

Chúng tôi không có mô tả về bất kỳ triệu chứng ngộ độc nào.

4.3 Cần có chỉ dẫn về chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt.

Không có thông tin.

Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Các phương tiện chữa cháy phù hợp

Nước, Carbon dioxide (CO₂), Bọt, Bọt khô

Các phương tiện chữa cháy không phù hợp

Đối với chất/hỗn hợp này, không có giới hạn tác nhân dập lửa nào được cung cấp.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

dễ cháy

Có thể phát sinh khí hoặc hơi dễ cháy nguy hiểm khi có lửa.

Hỏa hoạn có thể gây ra sự biến đổi của:

Khí hydro chloride, các oxit ni tơ

5.3 Chỉ dẫn cho các lính cứu hỏa

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

Chỉ ở trong khu vực nguy hiểm khi có thiết bị hô hấp khép kín. Tránh tiếp xúc với da bằng cách giữ khoảng cách an toàn hoặc bằng cách mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

Thông tin khác

Làm lắng khí, hơi, sương bằng tia bụi nước. Ngăn chặn việc nước chữa cháy gây ô nhiễm cho nguồn nước mặt hoặc hệ thống nước ngầm.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Phòng ngừa cá nhân, phương tiện, trang bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Lời khuyên dành cho nhân viên trong trường hợp không khẩn cấp: Tránh hít bụi. Sơ tán khỏi khu vực nguy hiểm, quan sát quy trình ứng phó khẩn cấp, tham khảo ý kiến chuyên gia.

Lời khuyên dành cho người ứng cứu khẩn cấp: Thiết bị bảo hộ xem phần 8.

6.2 Phòng ngừa về mặt môi trường

Không được đổ xuống cống.

Số Danh Mục	102964
Tên sản phẩm	Neocuproine hydrochloride monohydrate GR for analysis

6.3 Các phương pháp và vật liệu để bao quây và làm sạch.

Đậy cống. Thu thập, buộc và xả vết tràn.

Quan sát các hạn chế về chất có thể (xem các phần 7 và 10).

Thấm khô. Vứt bỏ đúng cách. Dọn sạch khu vực bị ảnh hưởng. Tránh tạo ra bụi.

6.4 Xem các mục khác

Các chỉ dẫn về xử lý chất thải xem phần 13.

Phần 7. Xử lý và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn

Quan sát các cảnh báo ghi trên nhãn.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Đóng chặt. Khô.

Cất giữ ở nhiệt độ từ +15°C đến +25°C.

7.3 Sử dụng cụ thể

Ngoài các cách sử dụng được đề cập trong phần 1.2, không thấy trước cách sử dụng cụ thể nào khác.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.1 Các thông số kiểm soát

Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Các biện pháp kỹ thuật

Các phương pháp kỹ thuật và thao tác làm việc phù hợp phải được ưu tiên đối với việc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân.

Xem phần 7.1.

Các biện pháp bảo vệ cá nhân

Quần áo bảo hộ cần phải được chọn cụ thể cho nơi làm việc, tùy vào nồng độ và lượng hóa chất nguy hiểm được xử lý. Phải yêu cầu thiết bị bảo vệ chống hóa chất tại nhà cung cấp tương ứng.

Các biện pháp vệ sinh

Thay ngay quần áo bẩn. Rửa tay sau khi làm việc với hóa chất.

Bảo vệ mắt/mặt

Kính bảo hộ

Bảo vệ tay

tiếp xúc hoàn toàn:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

tiếp xúc một lượng nhỏ:

Chất liệu găng tay:	Cao su nitrile
Độ dày của găng:	0,11 mm
Thời gian thấm:	> 480 min

Găng tay bảo hộ được sử dụng phải tuân theo các thông số của Chỉ thị EC 89/686/EEC và EN374 chuẩn có liên quan chẳng hạn KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc hoàn toàn), KCL 741 Dermatril® L (tiếp xúc một lượng nhỏ).

PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

102964
Neocuproine hydrochloride monohydrate GR for analysis

Số lần thử được nêu ở trên được xác định bằng KCL trong các thử nghiệm trong phòng thí nghiệm theo EN374 với các mẫu về loại găng tay được đề xuất.
Đề xuất này chỉ áp dụng cho sản phẩm được nêu trong tờ dữ liệu an toàn, do chúng tôi cung cấp và cho mục đích sử dụng được chỉ định. Khi hòa tan hoặc trộn với các hóa chất khác và trong các điều kiện sai khác với các

Bảo vệ hô hấp

bắt buộc khi có bụi.

Loại bộ lọc đề xuất: Bình lọc P 1 (theo DIN 3181) cho các thành phần rắn của chất trợ
Công ty phải đảm bảo rằng việc bảo trì, lau chùi và kiểm tra thiết bị bảo vệ hô hấp được tiến hành theo hướng dẫn của nhà sản xuất. Các phương pháp này phải được lập thành tài liệu đúng cách.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường

Không được đổ xuống cống.

Phần 9. Các tính chất vật lý và hóa học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hóa học

Hình thể	rắn
Màu sắc	màu trắng
Mùi đặc trưng	không mùi
Ngưỡng mùi	không áp dụng được
Độ pH	Không có thông tin.
Điểm nóng chảy	Không có thông tin.
Điểm sôi	Không có thông tin.
Điểm bùng cháy	Không có thông tin.
Tỷ lệ hóa hơi	Không có thông tin.
Tính dễ cháy (rắn, khí)	Không có thông tin.
Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới	Không có thông tin.
Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên	Không có thông tin.
Áp suất hóa hơi	Không có thông tin.
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin.
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin.
Độ hòa tan trong nước	ở 20 °C hòa tan được
Hệ số phân tán: n-octanol/nước	log Pow: -0,38 (được finh) (chất khan) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục	102964
Tên sản phẩm	Neocuproine hydrochloride monohydrate GR for analysis

Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin.
Nhiệt độ phân hủy	Không có thông tin.
Tính nhớt, động lực	Không có thông tin.
Đặc tính cháy nổ	Không được phân loại là dễ nổ.
Đặc tính oxy hóa	không áp dụng được

9.2 Các dữ liệu khác

Mật độ lớn	160 kg/m ³
------------	-----------------------

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

Điều sau đây áp dụng chung cho các chất và hỗn hợp hữu cơ dễ cháy: trong điều kiện phân phối tốt; khi xoay lên, nguy cơ về nổ bụi có thể xảy ra.

10.2 Tính ổn định hóa học

Sản phẩm ổn định về mặt hóa học trong điều kiện môi trường chuẩn (nhiệt độ phòng).

10.3 Các phản ứng nguy hiểm

không có thông tin

10.4 Các điều kiện cần tránh

không có thông tin

10.5 Các vật liệu cần tránh

không có thông tin

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

trong trường hợp có hỏa hoạn: Xem chương 5.

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm đơn lẻ

Chất hoặc hỗn hợp được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm đơn lẻ.

Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần

Chất hoặc chất độc không được phân loại là chất độc đối với các cơ quan đích cụ thể, phơi nhiễm nhiều lần.

Nguy cơ hô hấp

Dựa vào dữ liệu sẵn có, tiêu chí phân loại không được đáp ứng.

11.2 Thông tin khác

Không có dữ liệu định lượng về độc tính của sản phẩm này.

Dữ liệu khác về chất độc:

Các đặc điểm nguy hiểm không được loại trừ nhưng có thể không xảy ra khi sản phẩm được xử lý đúng cách.

Dữ liệu khác:

Xử lý theo các biện pháp an toàn vệ sinh công nghiệp.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Không có thông tin.

12.2 Độ bền và mức độ phân hủy

Không có thông tin.

12.3 Tích lũy sinh học

Hệ số phân tán: n-octanol/nước

log Pow: -0,38

(được tìm)

(chất khan) Hiện tượng tích tụ sinh học không được mong đợi.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vBvB

Không có đánh giá PBT/vPvB vì đánh giá an toàn hóa chất không bắt buộc/không được tiên hành.

12.6 Các ảnh hưởng có hại khác

Các thông tin sinh thái khác

Cần tránh thải loại vào môi trường.

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

Các phương pháp xử lý chất thải

Rác thải phải được vứt bỏ theo Thông tư 2008/98/EC về rác thải cũng như các quy định khác của địa phương và nhà nước. Để nguyên hóa chất trong hộp đựng ban đầu. Không để lẫn với rác thải khác. Xử lý các hộp đựng bằng giống như xử lý sản phẩm

Xem www.retrologistik.com để biết quy trình về việc trả lại hóa chất và bình chứa hoặc liên hệ với chúng tôi nếu có câu hỏi nào khác.

Phần 14. Thông tin vận chuyển

Vận tải mặt đất (ADR/RID)

14.1 - 14.6

Không bị xếp vào loại nguy hiểm hiệu theo các quy định về vận tải.

Vận tải đường thủy nội địa (ADN)

Không liên quan

Vận tải đường không (IATA)

14.1 - 14.6

Không bị xếp vào loại nguy hiểm hiệu theo các quy định về vận tải.

Vận tải đường biển (IMDG)

14.1 - 14.6

Không bị xếp vào loại nguy hiểm hiệu theo các quy định về vận tải.

14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không liên quan

PHIẾU DỮ LIỆU AN TOÀN
theo Quy định (EU) số 1907/2006

Số Danh Mục
Tên sản phẩm

102964
Neocuproine hydrochloride monohydrate GR for analysis

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Luật pháp quốc gia
Lớp cất giữ

15.2 Đánh giá An toàn Hóa chất

Đối với sản phẩm này, đánh giá an toàn hóa học theo quy định REACH của E U Số 1907/2006 không được thực hiện.

Phần 16. Các thông tin khác

Tư vấn về đào tạo

Cung cấp đầy đủ thông tin, chỉ dẫn và đào tạo cho người sử dụng.

Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn

Có thể tìm từ viết tắt và cụm từ viết tắt tại <http://www.wikipedia.org>.

Thông tin có ở đây dựa trên vốn kiến thức hiện tại của chúng tôi. Thông tin mô tả sản phẩm liên quan đến các biện pháp an toàn phù hợp. Thông tin không tuyên bố sự đảm bảo về bất kỳ đặc điểm nào của sản phẩm.